

ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC- THẠC SĨ

NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC

	Tên ngành	Mã số ngành	Khoa quản lý ngành
Ngành Đại học	Kỹ Thuật Ô Tô	7520130	Kỹ Thuật Giao thông
Ngành Thạc sĩ	Kỹ Thuật Cơ Khí Động Lực	8520116	Kỹ Thuật Giao thông

1. Chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Kỹ Thuật Ô Tô:

Ký hiệu nhóm kiến thức:

Ký hiệu	Ý nghĩa
KHTN	Toán & Khoa học tự nhiên
CT	Chính trị, Kinh tế, Văn hóa, Xã hội
GDQP	Giáo dục quốc phòng
GDTC	Giáo dục thể chất
NN	Ngoại ngữ
CSN	Cơ sở ngành/Nhóm ngành
CN BB	Chuyên ngành bắt buộc
CN TC	Chuyên ngành tự chọn
TC	Tự chọn tự do (không yêu cầu phải trong chuyên ngành)
TTTN	Thực tập tốt nghiệp
LVTN	Luận văn tốt nghiệp

❖ Năm học I:

Học kỳ: 17 TC			Học kỳ 2: 19 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Anh văn 1	2	NN	Anh văn 2	2	NN
Giáo dục Quốc phòng	0	GDQP	Giáo dục thể chất 2	0	GDTC
Giáo dục thể chất 1	0	GDTC	Giải tích 2	4	KHTN
Đại số tuyến tính	3	KHTN	Vật lý 2	4	KHTN
Giải tích 1	4	KHTN	Hóa đại cương	3	KHTN
Vật lý 1	4	KHTN	Cơ học thủy khí	3	CSN
Thí nghiệm Vật lý	1	KHTN	Vẽ kỹ thuật giao thông	3	CSN
Nhập môn kỹ thuật	3	CSN			

❖ Năm học II:

Học kỳ 3: 19 TC			Học kỳ 4: 19 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Cơ lý thuyết	3	CSN	Xác suất và thống kê	3	KHTN
Anh văn 3	2	NN	Anh văn 4	2	NN
Kết cấu động cơ đốt trong	3	CN BB	Kết cấu ô tô	3	CN BB
Kỹ thuật lập trình	3	CSN	Nguyên lý máy	3	CSN
Phương pháp tính	3	KHTN	Động cơ đốt trong	3	CN BB
Pháp luật VN đại cương	2	CT	Những nguyên lý CB của CN M-L	5	CT
Nhiệt động lực học và truyền nhiệt	3	CSN			
Giáo dục thể chất 3	0	GDTC			

❖ Năm học III:

Học kỳ 5: 22 TC			Học kỳ 6: 20 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Sức bền vật liệu	3	CSN	Công nghệ ô tô	2	NCS
<i>Lý thuyết ô tô(*)</i>	3	CN BB	Kỹ thuật điện – điện tử	3	CSN
Dung sai và kỹ thuật đo	2	CSN	Đồ án môn học Thiết kế ĐCĐT	1	CN BB
Thiết kế động cơ đốt trong	3	CN BB	Hệ thống điện – điện tử ô tô	2	CN BB
Chi tiết máy	3	CSN	<i>Thiết kế ô tô(*)</i>	3	CN BB
Vật liệu học và xử lý	3	CSN	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	CT
Thực tập cơ khí đại cương	1	CSN	Thực tập kỹ thuật ô tô	2	CN BB
Tư tưởng HCM	2	CT	Cặp môn tự chọn nhóm C:	2x3	CN TC
Thí nghiệm động cơ và ô tô	2	CN BB	1a. <i>Ô tô và môi trường(*)</i>		
			1b. <i>Nhiên liệu và dầu mỡ ô tô(*)</i>		
			2a. Phương pháp thực nghiệm động cơ		
			2b. Phương pháp thử nghiệm ô tô		
			3a. Ô tô chuyên dùng		
			3b. Kỹ thuật thủy lực và khí nén trong ô tô		
			4a. Kỹ thuật chẩn đoán và bảo dưỡng ô tô		
			4b. Kỹ thuật chẩn đoán và bảo dưỡng động cơ		

(*): Khối kiến thức/môn học đại học được xét miễn khi học khối kiến thức/môn học Thạc sĩ. Xem bảng trong mục 3.

❖ Năm học IV:

Học kỳ 7: 14 TC			Học kỳ 8: 9 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Con người và môi trường	3	CT	Luận văn tốt nghiệp	9	LVTN
Đồ án môn học Thiết kế ô tô	1	CN BB			
Thí nghiệm động cơ và ô tô	2	CN BB			
Điều khiển tự động trên ô tô(*)	2	CN BB			
Đề cương LVTN	0	CN BB			
Môn tự chọn nhóm B	3	TC			
Môn tự chọn nhóm A:	3	CN TC			
+ CAD ứng dụng trong thiết kế ô tô					
+ Mô phỏng động cơ đốt trong và ô tô(*)					
+ Phân tích phần tử hữu hạn trong ô tô(*)					

(*): Khối kiến thức/môn học đại học được xét miễn khi học khối kiến thức/môn học Thạc sĩ. Xem bảng trong mục 3.

2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Kỹ Thuật Cơ Khí Động Lực:

Ký hiệu nhóm kiến thức:

Ký hiệu	Ý nghĩa
KTBS	Kiến thức bổ sung
KTC BB	Kiến thức chung bắt buộc
KTC TC	Kiến thức chung tự chọn
KTCN BB	Chuyên ngành bắt buộc
KTCN TC	Chuyên ngành tự chọn
LVThS	Luận văn thạc sĩ

❖ Năm học I:

Học kỳ 1: 11 TC			Học kỳ 2: 13 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Các môn học chung	2	KTC	Các môn học chung	4	KTC
Quá trình cháy trong động cơ đốt trong	3	KTCN BB	<i>Kỹ thuật thiết kế phương tiện vận tải hiện đại(*)</i>	3	KTCN BB
Phương pháp số ứng dụng trong nghiên cứu & phát triển phương tiện vận tải	3	KTCN BB	Khối kiến thức tự chọn (chọn 2 trong 6 môn tự chọn)	6	KTCN TC
Phương pháp thực nghiệm trong nghiên cứu & phát triển phương tiện vận tải	3	KTCN BB	Đề cương LVThS theo hướng Nghiên cứu	0	LVThS

(*): Khối kiến thức/môn học Thạc sĩ mà sinh viên học, nếu đạt sẽ được dùng để xét miễn khối kiến thức/môn học đại học trong CTĐT đại học tại mục 1. Xem bảng trong mục 3.

❖ Năm học II:

Học kỳ 3: 9+(12) TC			Học kỳ 4: 12 TC		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Triết học	3	CT	Luận văn thạc sĩ	12	LVThS
Khối kiến thức tự chọn (chọn 2 trong 6 môn)	6	KTCN TC			
+. <i>Năng lượng mới và nhiên liệu thay thế</i> (*)					
+. <i>Động lực học ô tô nâng cao</i> (*)					
+. <i>Mô phỏng động cơ đốt trong nâng cao</i> (*)					
+. <i>Phân tích PTHH trong thiết kế ô tô nâng cao</i> (*)					
+. <i>Điều khiển tự động trên ô tô nâng cao</i> (*)					
+. Hệ thống truyền lực hiện đại trên ô tô					
Đề cương LVThS theo hướng Ứng dụng	0	LVThS			
Luận văn thạc sĩ hướng Nghiên cứu	12	LVThS			

(*): Khối kiến thức/môn học Thạc sĩ mà sinh viên học, nếu đạt sẽ được dùng để xét miễn khối kiến thức/môn học đại học trong CTĐT đại học tại mục 1. Xem bảng trong mục 3.

3. Danh sách các môn học/khối kiến thức của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ giảng dạy trong phần trình độ đại học:

Khi sinh viên học, đạt môn học/khối kiến thức trong CTĐT Thạc sĩ, các môn học/khối kiến thức này sẽ được dùng để xét miễn khối kiến thức/môn học đại học trong CTĐT đại học tại mục 1.

Chương trình đào tạo Thạc sĩ			Chương trình đào tạo đại học		
Môn học	Số TC	Nhóm	Môn học	Số TC	Nhóm
Kỹ thuật thiết kế phương tiện vận tải hiện đại	3	KTCN BB	Thiết kế ô tô	3	CN BB
Động lực học ô tô nâng cao	3	KTCN TC	Lý thuyết ô tô	3	CN BB
Điều khiển tự động trên ô tô nâng cao	3	KTCN TC	Điều khiển tự động trên ô tô	2	CN BB
Năng lượng mới và nhiên liệu thay thế	3	KTCN TC	Ô tô và môi trường	3	CN TC
			Nhiên liệu và dầu mỡ ô tô	3	CN TC
Mô phỏng động cơ đốt trong nâng cao	3	KTCN TC	Mô phỏng động cơ đốt trong và ô tô	3	CN TC
Phân tích phân tử hữu hạn trong thiết kế ô tô nâng cao	3	KTCN TC	Phân tích phân tử hữu hạn trong ô tô	3	CN TC

4. Đối tượng, tiêu chí và thời gian xét tuyển

- Người dự tuyển là sinh viên từ năm 3, có điểm trung bình tích lũy đến thời điểm xét tuyển đạt loại khá trở lên (điểm trung bình tích lũy từ 7.0 điểm trở lên, theo thang điểm 10), có số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 60.
- Thời gian xét tuyển: tại giữa học kỳ 4 của chương trình đào tạo đại học.